

XÂY DỰNG CƠ CHẾ PHỐI HỢP LIÊN THÔNG DỮ LIỆU VÀ NÂNG CAO NĂNG LỰC PHỐI HỢP GIỮA CƠ QUAN ĐIỀU TRA VÀ VIỆN KIỂM SÁT TRONG KỶ NGUYÊN SỐ

LÊ THỊ THU HIỀN
Khoa Nghiệp vụ điều tra hình sự,
Học viện Cảnh sát nhân dân

Nhận bài ngày 20/4/2026. Sửa chữa xong 25/5/2026. Duyệt đăng 31/5/2026.

Abstract

Digital transformation in judicial activities in general, and in the coordination of criminal investigations in particular, has become an inevitable trend, contributing to greater transparency, efficiency, and accountability among procedural authorities. However, current implementation in Vietnam faces several systemic challenges, including unsynchronized technical infrastructure, the absence of a comprehensive legal framework governing the validity of electronic evidence, uneven digital capacity among officials, and especially fragmented inter-agency data-sharing mechanisms. This article analyzes these difficulties and bottlenecks in the coordination between investigative authorities and procuracies. On that basis, it proposes a comprehensive and feasible set of solutions, including completing the legal framework for electronic procedures, standardizing technological infrastructure, enhancing the digital capacity of investigators and procurators, building an effective inter-agency data connectivity mechanism, and strengthening the monitoring and evaluation of digital transformation during criminal investigations.

Keywords: Criminal case, digital transformation, electronic evidence, investigation coordination, procedural authorities.

1. Đặt vấn đề

Cách mạng Công nghiệp lần thứ tư đã và đang tái định hình mọi mặt của đời sống kinh tế - xã hội, đặt ra yêu cầu cấp bách về việc đổi mới phương thức quản trị quốc gia, trong đó có hệ thống tư pháp. Tại Việt Nam, Đảng và Nhà nước đã khẳng định quyết tâm chính trị mạnh mẽ thông qua Chiến lược cải cách tư pháp và các đề án quốc gia về chuyển đổi số (như Quyết định số 749/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ). Hoạt động điều tra vụ án hình sự giai đoạn then chốt nhằm phát hiện, thu thập chứng cứ và xác định tội phạm không thể nằm ngoài xu thế này (Quốc hội, 2015, bổ sung 2021). Mối quan hệ phối hợp giữa Cơ quan Điều tra (CQĐT) và Viện kiểm sát trong tố tụng hình sự là mối quan hệ hỗ trợ lẫn nhau nhằm bảo đảm việc khởi tố, điều tra đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không làm oan người vô tội và không bỏ lọt tội phạm. Khi tội phạm truyền thống dịch chuyển mạnh mẽ sang không gian mạng (tội phạm công nghệ cao, lừa đảo xuyên biên giới, rửa tiền mã hóa...), phương thức phối hợp truyền thống dựa trên văn bản giấy, hội họp trực tiếp đã bộc lộ những giới hạn rõ rệt về mặt thời gian và không gian. Chuyển đổi số trong quan hệ phối hợp này không đơn thuần là việc "số hóa" các văn bản giấy tờ thành file PDF, mà là sự thay đổi căn bản về phương thức vận hành: chia sẻ thông tin theo thời gian thực, kiểm sát trực tuyến tiến độ điều tra, và ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) để phân tích dữ liệu vụ án. Việc này giúp tối ưu hóa tiến độ tố tụng, giảm thiểu sai sót, tăng cường tính minh bạch và trách nhiệm giải trình. Dẫu vậy, quá trình chuyển dịch từ "tư pháp truyền thống" sang "tư pháp số" tại Việt Nam đang vấp phải những rào cản lớn về cả thể chế, công nghệ lẫn con người. Vì vậy, việc nghiên cứu một cách toàn diện thực trạng và tìm ra các giải pháp đột phá là yêu cầu có ý nghĩa khoa học và thực tiễn cấp bách.

Email: mai.nguyenthanh@hust.edu.vn

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Nhận thức luận về chuyển đổi số trong phối hợp điều tra vụ án hình sự

Chuyển đổi số trong hoạt động phối hợp điều tra vụ án hình sự được hiểu là quá trình tích hợp công nghệ kỹ thuật số vào toàn bộ các quy trình nghiệp vụ phối hợp giữa CQĐT, VKS và các cơ quan hỗ trợ tư pháp. Quá trình này thay đổi cấu trúc tương tác thông tin, từ mô hình “tuyến tính - khép kín - thủ công” sang mô hình “mạng lưới - mở - tự động hóa”. Trong tổ tụng hình sự, quan hệ phối hợp giữa Điều tra viên và Kiểm sát viên diễn ra xuyên suốt từ giai đoạn tiếp nhận, giải quyết nguồn tin về tội phạm cho đến khi kết thúc điều tra. Chuyển đổi số mang lại ba giá trị cốt lõi:

2.1.1. Tính kịp thời

Trong mô hình tổ tụng truyền thống, khoảng cách địa lý và thời gian hành chính luôn là những lực cản vô hình nhưng hiện hữu, trực tiếp ảnh hưởng đến tiến độ phá án. Việc thiết lập một hệ thống liên thông kỹ thuật số giữa CQĐT và Viện kiểm sát không đơn thuần là một cải tiến công nghệ, mà là một cuộc cách mạng mang tính bước ngoặt, tạo ra cơ chế phối hợp theo thời gian thực tế trực tiếp xóa bỏ mọi độ trễ về mặt thời gian. Trong điều tra vụ án hình sự, có những thời điểm được coi là giờ vàng nơi một vài phút chậm trễ có thể dẫn đến việc tiêu hủy chứng cứ, tẩu tán tài sản hoặc đối tượng bỏ trốn ra nước ngoài.

Trước đây, khi Điều tra viên lập xong lệnh giữ người trong trường hợp khẩn cấp hoặc lệnh tạm giam, quy trình phê chuẩn phụ thuộc hoàn toàn vào tốc độ di chuyển địa lý. Cán bộ điều tra phải ôm tập hồ sơ giấy, vượt qua rào cản tắc đường tại các đô thị lớn hoặc hàng chục cây số đường đèo tại các tỉnh miền núi để kịp giờ nộp sang Viện kiểm sát. Kiểm sát viên lại mất thời gian tiếp nhận, nghiên cứu thủ công trên trang giấy. Với hệ thống liên thông số, thì độ trễ về mặt thời gian gần bằng không. Ngay khi Điều tra viên hoàn thành hồ sơ điện tử và nhấn nút chuyển, toàn bộ hệ thống tài liệu, chứng cứ số hóa lập tức xuất hiện trên màn hình làm việc của Kiểm sát viên phối hợp. Quá trình phê chuẩn, yêu cầu điều tra bổ sung được thực hiện thông qua chữ ký số và hệ thống bảo mật liên ngành. Hệ thống này kiểm soát chặt chẽ từng giây, từng phút, giúp các cơ quan tiến hành tổ tụng chạy đua hiệu quả với thời gian, tối ưu hóa thời hạn luật định.

Việc xóa bỏ độ trễ địa lý còn giải phóng một nguồn lực khổng lồ cho cả hai cơ quan. Thay vì tiêu tốn nhân lực, thời gian và chi phí cho việc in ấn, photocopy hàng nghìn trang hồ sơ giấy và cử cán bộ đi lại giao nhận, nguồn lực đó giờ đây được tập trung hoàn toàn vào việc nghiên cứu chuyên môn, phân tích chứng cứ và đấu tranh phá án. Đặc biệt, trong các vụ án có tính chất đồng phạm, tội phạm xuyên tỉnh hoặc xuyên quốc gia, hệ thống liên thông cho phép các CQĐT ở các địa phương khác nhau phối hợp với Viện kiểm sát cùng cấp chia sẻ thông tin ngay lập tức. Một quyết định ủy thác điều tra hay lệnh truy nã được ban hành ở Hà Nội có thể được Viện kiểm sát phê chuẩn và chuyển thẳng đến tay các trinh sát đang bám địa bàn tại TP. Hồ Chí Minh hay vùng biên giới chỉ sau vài cú nhấp chuột.

2.1.2. Tính chính xác và minh bạch

Trong giai đoạn tổ tụng truyền thống sử dụng hồ sơ giấy, một trong những kẽ hở lớn nhất cấu thành nguy cơ sai lệch hồ sơ vụ án là yếu tố con người trong quá trình lưu trữ và bàn giao (Viện Kiểm sát nhân dân tối cao. 2024). Thực tiễn không hiếm những vụ án xảy ra tình trạng bổ sung, thay thế tài liệu, hoặc chỉnh sửa biên bản hỏi cung, biên bản khám nghiệm ... một cách tùy tiện sau khi đã có sự can thiệp ngoài tổ tụng. Cơ chế ghi vết (log system) trên nền tảng số hoạt động như một camera giám sát vô hình nhưng tuyệt đối trung thực. Mọi thao tác nghiệp vụ từ việc Điều tra viên khởi tạo một quyết định, tải lên một chứng cứ, cho đến khi Kiểm sát viên truy cập nghiên cứu, đưa ra yêu cầu điều tra hay phê chuẩn lệnh tổ tụng đều được hệ thống tự động ghi nhận theo thời gian thực (Timestamp) chính xác đến từng giây, đi kèm định danh tài khoản duy nhất của người thực hiện. Đặc biệt, khi kết hợp với công nghệ chuỗi khối (Blockchain) hoặc các hàm băm bảo mật (Hash function), dữ liệu một khi đã nhập vào hệ thống sẽ bị "đóng băng" về mặt trạng thái. Bất kỳ một hành vi sửa chữa, xóa bỏ hay chèn thêm tài liệu nào, dù là nhỏ nhất, đều không thể che giấu và sẽ lập tức kích hoạt cảnh báo hệ thống. Điều này triệt tiêu hoàn toàn khả năng làm sai lệch hồ sơ vụ án, bảo đảm tính nguyên vẹn, khách quan và chính xác tuyệt đối của chứng cứ hình sự.

Trước đây, việc xác định trách nhiệm khi vụ án bị kéo dài, quá hạn luật định hoặc xảy ra sai sót

thường gặp khó khăn do hiện tượng đổ lỗi qua lại giữa cán bộ điều tra và cán bộ kiểm sát về thời điểm giao nhận hồ sơ. Khi công việc được số hóa hoàn toàn, lịch sử tác nghiệp (audit trail) sẽ là bằng chứng không thể chối cãi. Lãnh đạo CQĐT và lãnh đạo Viện kiểm sát, hoặc các cơ quan thanh tra tư pháp, chỉ cần một vài thao tác là có thể truy xuất chính xác: Hồ sơ này đang tắc ở khâu nào? Điều tra viên gửi yêu cầu phê chuẩn từ ngày nào, giờ nào? Kiểm sát viên đã tiếp nhận và nghiên cứu trong bao lâu? Lý do chậm trễ hay từ chối phê chuẩn là gì? Sự rõ ràng này buộc mỗi Điều tra viên và Kiểm sát viên phải tự nâng cao ý thức trách nhiệm cá nhân, chuẩn mực hóa từng hành vi tố tụng của mình. Họ biết rằng mọi quyết định, thậm chí là sự chậm trễ của mình, đều đang được lưu vết vĩnh viễn trên hệ thống và phải giải trình trước pháp luật. Nó tạo ra một áp lực tích cực, thúc đẩy tính kỷ cương, đạo đức nghề nghiệp và sự miễn cưỡng của đội ngũ cán bộ tư pháp.

Xét đến cùng, mục tiêu cao nhất của cải cách tư pháp là xây dựng niềm tin của nhân dân vào nền công lý. Sự bí mật mang tính đặc thù của giai đoạn điều tra vụ án hình sự đôi khi dễ bị lợi dụng hoặc gây ra những hoài nghi trong dư luận xã hội về tính khách quan. Điều này thể hiện được rằng: quá trình điều tra, truy tố không phải là một hộp đen khép kín đầy rủi ro, mà là một quá trình khoa học, chặt chẽ, được kiểm soát bằng công nghệ hiện đại. Tính chính xác trong thu thập chứng cứ và tính minh bạch trong quy trình phê chuẩn tố tụng chính là cái gốc để loại bỏ oan sai, chống bỏ lọt tội phạm, bảo đảm cho mọi phán quyết tư pháp đều tâm phục, khẩu phục, vững chắc trước riu dư luận.

2.1.3. Tối ưu hóa nguồn lực

Trong bối cảnh tội phạm hình sự ngày càng gia tăng về số lượng và tính vi về phương thức thủ đoạn, tình trạng “người ít, việc nhiều” đang là bài toán đau đầu của các cơ quan tiến hành tố tụng từ Trung ương đến địa phương. Áp lực về mặt thời hạn luật định kết hợp với khối lượng công việc khổng lồ khiến đội ngũ Điều tra viên và Kiểm sát viên luôn trong tình trạng quá tải. Việc chuyển đổi số, thiết lập hệ thống liên thông dữ liệu chính là chìa khóa vàng giúp tối ưu hóa nguồn lực, giải phóng con người khỏi những ma trận thủ tục hành chính thuần túy để tập trung trí tuệ cho nhiệm vụ cốt lõi: đấu tranh và phòng chống tội phạm.

2.2. Thực trạng chuyển đổi số trong phối hợp điều tra vụ án hình sự tại Việt Nam hiện nay

Qua nghiên cứu thực tiễn triển khai tại các cơ quan tiến hành tố tụng ở Trung ương và địa phương, việc chuyển đổi số trong hoạt động phối hợp điều tra đã đạt được một số kết quả ban đầu (như việc triển khai hệ thống quản lý án hình sự, số hóa hồ sơ vụ án...). Tuy nhiên, những hạn chế vẫn còn tồn tại những hạn chế sau:

2.2.1. Hạ tầng kỹ thuật chưa đồng bộ và thiếu tính liên thông

Hiện nay, Bộ Công an và Viện kiểm sát nhân dân tối cao đều đã xây dựng các phần mềm quản lý nghiệp vụ riêng. Tuy nhiên, các hệ thống này hoạt động một cách biệt lập chưa thể kết nối trực tiếp với nhau do khác biệt về tiêu chuẩn kỹ thuật, giao diện lập trình ứng dụng (API) và cấu trúc dữ liệu. Tình trạng này không khác gì như hệ thống giao thông bị chia cắt, cục bộ bởi những rào cản về mặt công nghệ. Dù cả Bộ Công an và Viện kiểm sát nhân dân tối cao đều đã có những bước đi mạnh mẽ trong việc xây dựng các phần mềm quản lý nghiệp vụ chuyên ngành, nhưng việc thiếu một tiếng nói chung về mặt kỹ thuật đã vô tình tạo ra rào chắn vô hình (Bộ Công an, 2025). Thực tế là, khi CQĐT muốn gửi hồ sơ để nghị phê chuẩn lệnh tạm giam sang Viện kiểm sát, Điều tra viên vẫn phải in ấn hồ sơ giấy hoặc sao chép thủ công ra thiết bị lưu trữ ngoại vi để mang sang Viện kiểm sát.

2.2.2. Khoảng trống pháp lý về chứng cứ điện tử và tố tụng số

Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2021) đã bổ sung “dữ liệu điện tử” là một trong các nguồn chứng cứ. Tuy nhiên, các quy định hướng dẫn thi hành về trình tự, thủ tục thu thập, phục hồi, bảo quản và đánh giá giá trị pháp lý của chứng cứ điện tử vẫn còn rất mơ hồ. Chứng cứ điện tử có đặc tính dễ bị chỉnh sửa, xóa dấu vết mà không để lại dấu vết vật lý. Hiện chưa có quy định thống nhất về việc sử dụng hàm băm (hash function) hay chữ ký số để niêm phong dữ liệu điện tử một cách chuẩn hóa trong biên bản tố tụng. Pháp luật hiện hành chưa công nhận một “hồ sơ vụ án điện tử” có giá trị thay thế hoàn toàn hồ sơ giấy trong suốt quá trình phối hợp điều tra, truy tố, xét xử. Do đó, các cơ quan vẫn phải vận hành song song hai hệ thống, vô hình trung làm tăng đôi khối lượng công việc cho cán bộ.

2.2.3. Năng lực số của đội ngũ cán bộ chưa đồng đều

Một bộ phận không nhỏ Điều tra viên và Kiểm sát viên, đặc biệt là ở các địa bàn miền núi, vùng sâu vùng xa, còn hạn chế về tư duy công nghệ và kỹ năng thao tác trên các nền tảng số. Nhiều cán bộ chuyển sang làm công tác điều tra/kiểm sát từ giai đoạn trước, quen với phương thức tư duy trên văn bản giấy, gặp khó khăn khi tiếp cận với các phần mềm quản lý án phức tạp.

Kỹ năng nhận diện, trích xuất và bảo mật dữ liệu mạng, dữ liệu từ các thiết bị thông minh (Smart Devices) hay tài sản số (tiền mã hóa, NFT) của cán bộ tư pháp nhìn chung còn khoảng cách khá xa so với phương thức tinh vi của tội phạm công nghệ cao.

2.2.4. Cơ chế chia sẻ dữ liệu liên ngành còn mang tính cục bộ

Dù có các quy chế phối hợp liên ngành giữa Bộ Công an - VKSNDTC - TANDTC, nhưng việc chia sẻ thông tin vẫn thực hiện theo cơ chế xin – cho hoặc theo từng vụ việc cụ thể.

Viện kiểm sát chưa được quyền truy cập trực tiếp vào các cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư hay cơ sở dữ liệu chuyên ngành của CQĐT dưới góc độ kiểm sát trực tuyến, gây khó khăn cho việc kiểm sát việc tiếp nhận, giải quyết nguồn tin về tội phạm ngay từ đầu (Thông tư liên tịch, 2025).

Nỗi lo ngại về bảo mật, rò rỉ thông tin mật trong vụ án hình sự đang là rào cản tâm lý lớn khiến các bên chần chừ trong việc mở cổng kết nối, chia sẻ dữ liệu chung.

2.4. Kiến nghị và đề xuất một số giải pháp

Để giải quyết triệt để các nút thắt nêu trên, đưa hoạt động phối hợp điều tra vụ án hình sự bước sang giai đoạn chất về số, cần thực hiện đồng bộ hệ thống giải pháp sau:

2.4.1. Hoàn thiện hành lang pháp lý và xây dựng thể chế tổ tụng số

Pháp luật phải đi trước một bước để tạo điểm tựa vững chắc cho công nghệ vận hành. Do đó, cần:

- Sửa đổi, bổ sung Bộ luật Tố tụng hình sự và ban hành Thông tư liên tịch hướng dẫn về chứng cứ điện tử: Đặc thù điện mạo của chứng cứ số là tính dễ biến đổi, dễ bị can thiệp, xóa dấu vết hoặc nhân bản mà không để lại vết tích vật lý như chứng cứ truyền thống. Do đó, để bảo đảm tính nguyên vẹn và giá trị chứng minh trước tòa, hành lang pháp lý mới cần quy định bắt buộc: mọi dữ liệu điện tử ngay tại thời điểm phát hiện, thu giữ phải được trích xuất bằng các thiết bị chuyên dụng và lập tức tạo hàm băm (Hash function) một dạng vân tay kỹ thuật số độc nhất không thể giả mạo (Tòa án nhân dân tối cao, 2024). Chỉ số hàm băm này phải được ghi nhận công khai, minh bạch ngay trong biên bản tố tụng số có chữ ký điện tử của các bên tham gia. Quy trình chuỗi bảo quản nghiêm ngặt này sẽ đóng vai trò như một biên niên sử kỹ thuật số, ghi lại trọn vẹn lịch sử tương tác từ ai thu thập, bằng công cụ gì, lưu trữ ở đâu, cho đến khi đưa ra trình diện tại phiên tòa. Việc thiết lập một quy chuẩn pháp lý chặt chẽ như vậy không chỉ giúp loại bỏ hoàn toàn các hoài nghi về tính khách quan của chứng cứ điện tử, ngăn chặn rủi ro nguy tạo tài liệu, mà còn tạo ra điểm tựa pháp lý vững chắc cho các Điều tra viên, Kiểm sát viên tự tin tác nghiệp, biến dữ liệu số thành vũ khí sắc bén trong cuộc đấu tranh chống tội phạm công nghệ cao.

2.4.2. Chuẩn hóa hạ tầng kỹ thuật và xây dựng nền tảng dữ liệu liên ngành (Shared Data Platform)

Khẩn trương xây dựng Trung tâm dữ liệu chung có tính bảo mật cao là nền tảng cốt lõi để bảo vệ dòng chảy thông tin tư pháp trên môi trường số. Hoạt động điều tra vụ án hình sự luôn đòi hỏi tính bảo mật tuyệt đối; mọi hành vi lộ, lọt thông tin, tài liệu điều tra đều có thể dẫn đến hậu quả nghiêm trọng, làm mất dấu vết tội phạm hoặc ảnh hưởng đến danh dự, quyền con người của công dân. Do đó, trung tâm dữ liệu dùng chung giữa các cơ quan tiến hành tố tụng phải được bảo vệ bởi những giải pháp an ninh mạng đa lớp, tiên tiến nhất. Bảo đảm dữ liệu hồ sơ vụ án luôn được mã hóa trong suốt quá trình truyền tải và lưu trữ, chỉ những tài khoản nghiệp vụ được cấp quyền hợp pháp của Điều tra viên và Kiểm sát viên thụ lý mới có thể giải mã để tiếp cận. Đồng thời, cần thiết lập hạ tầng mạng riêng ảo (VPN) chuyên dụng độc lập, khép kín dành riêng cho khối tư pháp, tách biệt hoàn toàn với mạng Internet công cộng. Hệ thống này không chỉ ngăn chặn triệt để các nguy cơ tấn công mạng, gián điệp công nghệ nhằm đánh cắp bí mật nhà nước, mà còn tạo ra một “hầm trú ẩn kỹ thuật số” an toàn tuyệt đối cho hoạt động phối hợp điều tra, truy tố, xét xử.

Chuẩn hóa dữ liệu đầu vào là điều kiện tiên quyết để phá bỏ các dữ liệu độc lập và xây dựng một ngôn ngữ kỹ thuật số thống nhất liên ngành. Trên thực tế, chuyển đổi số không thể thành công nếu hệ thống máy tính của CQĐT và Viện kiểm sát sử dụng các cấu trúc dữ liệu khác nhau, khiến máy móc không thể tự động đọc và hiểu được tài liệu của nhau. Giải pháp căn cơ là các cơ quan liên ngành tư pháp trung ương phải ngồi lại để thống nhất ban hành bộ tiêu chuẩn dữ liệu dùng chung. Theo đó, cần chuẩn hóa toàn bộ danh mục mã tội danh theo Bộ luật Hình sự, mã hóa hệ thống lỗi vi phạm, cấu trúc thông tin định danh của đối tượng đấu tranh, bị can, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác. Việc áp dụng một cấu trúc dữ liệu đồng bộ này sẽ giúp các biểu mẫu điện tử có thể được thông nhất, khi Điều tra viên khởi tạo một trường thông tin ở giai đoạn tin báo, hệ thống của Viện kiểm sát có thể tự động nhận diện, phân loại và xử lý tức thì mà không cần bất kỳ thao tác chuyển đổi hay nhập liệu lại thủ công nào. Đây chính là chìa khóa để khơi thông dòng chảy dữ liệu liên thông, tạo tiền đề cho việc ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) trong phân tích và quản lý án hình sự sau này.

Cần tập trung nguồn lực đầu tư trang thiết bị công nghệ đồng bộ, trong đó ưu tiên trọng điểm phân bổ ngân sách cho các cơ quan tiến hành tố tụng cấp xã. Thực tiễn cho thấy, cấp xã hiện là nơi giải quyết trên 80% số lượng các vụ án hình sự nhưng lại là nơi có hạ tầng kỹ thuật lạc hậu và thiếu thốn nhất. Để xóa bỏ sự khập khiễng này, Nhà nước cần có chiến lược quốc gia về đầu tư công nghệ cho khối tư pháp cơ sở. Cụ thể, cần trang bị hệ thống đường truyền Internet băng thông rộng tốc độ cao, bảo đảm việc truyền tải các file dữ liệu nặng không bị gián đoạn; cung cấp máy quét (scan) tài liệu chuyên dụng tốc độ cao tại mỗi đơn vị để phục vụ công tác số hóa hồ sơ án giấy một cách nhanh chóng. Đặc biệt, cần chuẩn hóa và lắp đặt đồng bộ hệ thống camera phòng hỏi cung đạt tiêu chuẩn về ghi âm, ghi hình có âm thanh. Việc đầu tư mạnh mẽ vào “vùng trũng” công nghệ ở cấp huyện không chỉ giúp đồng bộ hóa năng lực tác nghiệp toàn hệ thống, giải phóng áp lực hành chính tư pháp cho cán bộ cơ sở, mà còn bảo đảm tính nghiêm minh, khách quan của pháp luật được thực thi đồng đều từ cấp trung ương đến địa phương.

Cần tập trung nguồn lực đầu tư trang thiết bị công nghệ đồng bộ, trong đó ưu tiên trọng điểm phân bổ ngân sách cho các cơ quan tiến hành tố tụng và lực lượng tư pháp ở cấp cơ sở. Thực tiễn cho thấy, các đơn vị cấp cơ sở hiện là nơi trực tiếp tiếp nhận, phân loại giải quyết ban đầu và xử lý trên 80% số lượng các vụ việc, vụ án hình sự. Tuy nhiên, đây lại là nơi đang chịu áp lực công việc lớn nhất nhưng hạ tầng kỹ thuật lại có phần thiếu thốn, chưa theo kịp tốc độ của các đơn vị tuyến trên. Để xóa bỏ sự khập khiễng này, Nhà nước cần có chiến lược quốc gia về đầu tư công nghệ trọng điểm cho khối tư pháp cơ sở. Cụ thể, cần trang bị hệ thống đường truyền Internet băng thông rộng tốc độ cao bảo mật, bảo đảm việc truyền tải, đồng bộ các tệp dữ liệu dung lượng lớn không bị gián đoạn; cung cấp máy quét (scan) tài liệu chuyên dụng tốc độ cao tại mỗi đơn vị để phục vụ công tác số hóa hồ sơ án giấy một cách tức thời. Đặc biệt, cần chuẩn hóa và lắp đặt đồng bộ hệ thống camera phòng hỏi cung, phòng làm việc đạt tiêu chuẩn kỹ thuật về ghi âm, ghi hình có âm thanh. Việc tập trung đầu tư mạnh mẽ vào hệ thống tư pháp cấp cơ sở không chỉ giúp đồng bộ hóa năng lực tác nghiệp toàn hệ thống, giải phóng áp lực hành chính tư pháp cho các cán bộ ở tuyến đầu, mà còn bảo đảm tính nghiêm minh, khách quan của pháp luật được thực thi đồng đều, xuyên suốt từ trung ương đến tận cơ sở.

2.4.3. Nâng cao năng lực số và thay đổi tư duy cho đội ngũ Điều tra viên, Kiểm sát viên

Giải pháp mang tính căn cơ và bền vững nhất là phải đổi mới tư duy từ gốc thông qua việc cải cách toàn diện chương trình đào tạo tại các cơ sở giáo dục đại học khối tư pháp. Trong bối cảnh các phương thức phạm tội đã dịch chuyển mạnh mẽ sang không gian mạng, các giáo trình nghiệp vụ truyền thống dựa trên dấu vết vật lý đã không còn đủ sức đáp ứng yêu cầu thực tiễn. Do đó, các cơ sở đào tạo trọng điểm như Học viện Cảnh sát nhân dân, Học viện An ninh nhân dân và Trường Đại học Kiểm sát Hà Nội cần khẩn trương đưa các cấu phần chuyên sâu bao gồm “Khoa học chứng cứ điện tử”, “Kỹ năng điều tra kỹ thuật số” và An ninh mạng trở thành các môn học bắt buộc, có trọng số điểm cao trong chương trình đào tạo chính quy. Học viên không chỉ được học lý thuyết pháp lý mà phải được thực hành trực tiếp trên các phòng thí nghiệm mô phỏng, thành thạo kỹ năng trích xuất dữ liệu, khôi phục thông tin bị xóa trên thiết bị điện tử, và nhận diện các dòng tiền mã hóa. Việc chuẩn hóa kiến thức từ giảng đường

sẽ giúp hình thành một thể hệ cán bộ tư pháp mới có tư duy số bẩm sinh, sẵn sàng làm chủ công nghệ ngay khi bước chân vào môi trường tác nghiệp thực tế.

Cần thiết lập cơ chế kiểm soát chất lượng nhân sự nghiêm ngặt thông qua việc tổ chức các khóa sát hạch năng lực số định kỳ gắn liền với quy trình bổ nhiệm chức danh tư pháp (Bộ Thông tin truyền thông, 2024) Năng lực công nghệ thông tin không thể dừng lại ở những tấm bằng tin học văn phòng mang tính hình thức, mà phải được đo lường bằng hiệu suất giải quyết công việc thực tế. Pháp luật và quy chế ngành cần bổ sung điều kiện bắt buộc: trước khi được bổ nhiệm hoặc bổ nhiệm lại các chức danh tư pháp như Điều tra viên, Kiểm sát viên, cán bộ phải trải qua kỳ thi sát hạch thực hành trên máy tính. Nội dung sát hạch yêu cầu cán bộ phải thao tác thành thạo các phần mềm quản lý án hình sự liên thông, thực hiện đúng quy trình ký số trên văn bản điện tử và chứng minh được kỹ năng khai thác, thu thập thông tin cơ bản trên môi trường Internet phục vụ xác minh phá án. Biện pháp mạnh mẽ này sẽ tạo ra động lực tự thân, buộc đội ngũ cán bộ đương chức phải chủ động tự học tập, xóa bỏ tư duy ngại thay đổi, từ đó chuẩn hóa năng lực công nghệ toàn diện và đồng đều trong toàn hệ thống.

Để giải quyết các bài toán khẩn cấp trước mắt, cần chú trọng xây dựng mạng lưới chuyên gia công nghệ hỗ trợ thông qua việc thành lập các tổ phản ứng nhanh về công nghệ thông tin thuộc CQĐT và Viện kiểm sát tối cao. Trong giai đoạn quá độ, khi năng lực số của đại bộ phận cán bộ ở cấp cơ sở chưa thể hoàn thiện ngay, sự xuất hiện của các chuyên gia đầu ngành là chỗ dựa cực kỳ quan trọng. Các tổ phản ứng nhanh này sẽ tập hợp những kỹ sư công nghệ thông tin giỏi nhất của hai ngành, hoạt động theo cơ chế trực chiến 24/7. Nhiệm vụ của họ là kịp thời can thiệp, hỗ trợ kỹ thuật từ xa hoặc trực tiếp xuống địa bàn khi xảy ra các vụ án hình sự có yếu tố công nghệ phức tạp (như tội phạm mạng tấn công hệ thống ngân hàng, đường dây đánh bạc nghìn tỷ xuyên quốc gia, hoặc lừa đảo chiếm đoạt tài sản bằng công nghệ Deepfake). Sự phối hợp nhịp nhàng giữa một bên là Điều tra viên, Kiểm sát viên vững vàng về pháp lý, và một bên là chuyên gia am tường về kỹ thuật sẽ tạo ra thế trận hiệp đồng tác chiến hoàn hảo, bảo đảm chứng cứ điện tử được thu thập trọn vẹn, không bị tiêu hủy và có giá trị chứng minh vững chắc trước tòa.

3. Kết luận

Chuyển đổi số trong hoạt động tư pháp nói chung và trong quan hệ phối hợp điều tra vụ án hình sự nói riêng không còn là một lựa chọn mang tính khuyến khích, mà đã trở thành mệnh lệnh thực tiễn, một thước đo cho sự tiến bộ và văn minh của hệ thống pháp luật. Việc chuyển dịch từ mô hình thủ công sang mô hình tư pháp số chắc chắn sẽ gặp phải lực cản từ thói quen cũ, từ rào cản hạ tầng và cả những lo ngại về rủi ro an ninh thông tin. Tuy nhiên, với một tư duy chiến lược rõ ràng, sự đầu tư bài bản về hạ tầng kỹ thuật, việc dũng cảm dỡ bỏ các rào cản pháp lý cũ kỹ để đón nhận những mô hình tổ tụng điện tử mới, chúng ta hoàn toàn có thể xây dựng được một mối quan hệ phối hợp giữa CQĐT và Viện kiểm sát chặt chẽ, thông suốt, minh bạch trên không gian số. Điều này không chỉ giúp nâng cao hiệu quả đấu tranh phòng, chống tội phạm trong tình hình mới mà còn góp phần quan trọng bảo đảm quyền con người, quyền công dân, xây dựng thành công Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong kỷ nguyên số.

Tài liệu tham khảo

- Bộ Công an (2025). *Cẩm nang hướng dẫn thu thập và bảo quản chứng cứ dữ liệu điện tử trong điều tra tội phạm*.
- Bộ Thông tin và Truyền thông (2024). *Quyết định số 102/QĐ-BTTTT phê duyệt Khung kiến trúc Chính phủ điện tử Việt Nam* (Phiên bản 3.0) hướng dẫn tiêu chuẩn kỹ thuật kết nối và chia sẻ dữ liệu liên ngành.
- Quốc hội (2015). *Bộ luật Tổ tụng hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2021)*.
- Thủ tướng Chính phủ (2020). *Quyết định số 749/QĐ-TTg 03/06/2020 Phê duyệt “Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”*.
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao (2024). *Báo cáo tổng kết công tác ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong ngành Kiểm sát nhân dân*.
- Tòa án nhân dân tối cao (2024). *Nghị quyết của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của Bộ luật Tổ tụng hình sự về việc thu thập, kiểm tra, đánh giá và sử dụng chứng cứ là dữ liệu điện tử*.
- Thông tư liên tịch (2025). *Viện kiểm sát nhân dân tối cao - Bộ Công an - Bộ Quốc phòng - Bộ Tài chính - Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn* (2025). *Thông tư liên tịch hướng dẫn về phối hợp thực hiện một số quy định của Bộ luật Tổ tụng hình sự về tiếp nhận, giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố trong môi trường số*.